TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/DS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Nhân.

2. Bà Mai Huệ Anh Đài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2026/QĐST-DS, ngày 20/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V (viết tắt: V1).

Địa chỉ trụ sở: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 3 – Ngân hàng V (V1), theo Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/03/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Châu Thiên Diễm M, Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: C T, phường P, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền 762.04/2026/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 01/4/2026).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2025, trong quá trình tham gia tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/12/2023, ông Nguyễn Phạm T1 có ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2312221334414, số tiền vay 157.500.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất 30%/năm. Ngày 25/12/2023, ngân hàng đã giải ngân số tiền 157.500.000 đồng vào tài khoản của ông T1.

Tính từ ngày 25/12/2023 đến ngày 03/6/2025 thuộc khoản vay trong hạn ông T1 đã thanh toán tổng số tiền là 104.282.187 đồng, trong đó tiền gốc là 57.017.766 đồng và tiền lãi 47.264.421 đồng. Từ ngày 04/6/2025, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, vì thế ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ thành nợ quá hạn, lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 6/8/2026, tổng số tiền ông T1 đã thanh toán 116.783.056 đồng, trong đó tiền gốc là 69.517.774 đồng và tiền lãi 47.265.282 đồng. Ông T1 còn phải thanh toán tổng số tiền là 148.917.741 đồng, trong đó tiền gốc 87.982.226 đồng, tiền lãi trong hạn 11.150.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 49.785.015 đồng.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông T1 yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn tuy nhiên đến nay ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện ông T1 ra Tòa án. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng bà Châu Thiên Diễm M đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 06/8/2026 là 148.917.741 đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/8/2026 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết dư nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Phạm T1: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị buộc ông T1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 06/8/2026 là 148.917.741 đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Khánh Hòa, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T1 nhưng ông T1 không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 22/12/2023, ông T1 có ký với Ngân hàng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ, sau khi ký hợp đồng tín dụng ông T1 đã nhận đủ số tiền 157.500.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông T1 có trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng là 116.783.056 đồng, trong đó tiền gốc là 69.517.774 đồng, tiền lãi 47.265.282 đồng. Số tiền còn lại ông T1 không thanh toán cho Ngân hàng. Từ ngày 04/6/2025, do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Do đó, có cơ sở khẳng định ông T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T1 là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2] Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc ông T1 phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng nhưng ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T1 đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/8/2026) tổng cộng là 148.917.741 đồng, trong đó: Số tiền gốc là: 87.982.226 đồng, số tiền lãi là: 60.935.515 đồng là phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký kết; đồng thời phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 07/8/2026 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V.

1. Buộc ông Nguyễn Phạm T1 phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tính đến ngày 06/8/2026 là 148.917.741 đồng (Bằng chữ: một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng) trong đó: Số tiền gốc là: 87.982.226 đồng, số tiền lãi là: 60.935.515 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2026), ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng

tín dụng đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Phạm T1 phải chịu 7.445.887 đồng (bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.831.000 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002471 ngày 02/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/8/2026). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu